

Bản án số: **186/2024/HC-PT**
Ngày: 23/5/2024
V/v: “*Kiến quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:</i>	Ông Nguyễn Cường
<i>Các Thẩm phán:</i>	Ông Võ Ngọc Thông Ông Phạm Ngọc Thái

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Quang Toàn**, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Tấn Ánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 333/2023/TLPT-HC ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc: “*Kiến quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 158/2023/HC-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 864/2024/QĐ-PT ngày 3 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: bà **Phạm Thị T**, sinh ngày 18/3/1963; địa chỉ: **cụm G, thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Đỗ Anh T1**; địa chỉ: **số F, tổ L 31, buôn Đ, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, vắng nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bị kiện:

1. **UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Lê Đại T2** - Phó Chủ tịch **UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, có văn bản xin vắng mặt.

2. Chủ tịch **UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Đại T2** - Phó chủ tịch UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có văn bản xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: **A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

- Ông **Trương Văn C** - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông **Võ Quang H** - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ông C, ông H có văn bản xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B; địa chỉ: **C H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Võ Quang H** - Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông **Nguyễn Văn H1**;

3. Ông **Nguyễn Văn Đ**;

4. Bà **Nguyễn Thị Huệ A**;

5. Ông **Nguyễn Hoàng S**;

Cùng địa chỉ: **thôn A, xã H, Tp B., tỉnh Đắk Lắk.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:***

Ngày 06/3/2008, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND về việc thu hồi 27.809ha đất của Công ty C1 tại xã H, thành phố B quản lý, trong đó có toàn bộ diện tích đất 2.066,1 m² tại thửa đất số 195, tờ bản đồ số 17 tại thôn A, xã H, thành phố B của hộ bà **Phạm Thị T**. Ngày 28/9/2021, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số: 6870/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư thôn A, xã H, thành phố B (sau đây gọi tắt là Quyết định số 6870). Diện tích đất 2.066,1m² bị thu hồi của bà T có nguồn gốc vào năm 1990 bà T nhận hợp đồng giao khoán sản xuất trồng cà phê với Nông trường cà phê V (nay là Công ty C1), bà T đã sử dụng ổn định không tranh chấp với ai, bà T xây hai căn nhà để ở ổn định từ trước 15/10/1993. Nhiều lần bà T kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét lại phương án bồi thường, đề nghị phải bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại 10%; hỗ trợ tiền sử dụng đất trước ngày 15/10/1993; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm;

hỗ trợ đời sống và sản xuất; hỗ trợ khác là 2 căn nhà xây năm 1993; bồi thường cây trồng trên đất tạo dựng sau ngày có Quyết định số: 530/QĐ-UBND tỉnh Đ.

Ngày 01/6/2023, bà **Phạm Thị T** nhận được Công văn số: 108/CV-TTPTQĐ ngày 31/5/2023 của Giám đốc **Trung tâm phát triển thành phố B** về việc trả lời đơn của bà **Phạm Thị T** (sau đây gọi tắt là Công văn số 108), nội dung không chấp nhận đơn kiến nghị của bà **T**. Nhận thấy quyền lợi của bà **T** bị xâm phạm nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét giải quyết:

- Tuyên hủy bỏ một phần Quyết định số 6870 và hủy toàn bộ Công văn số 108;

- Buộc **Ủy ban nhân dân thành phố B**, tỉnh Đắk Lắk phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung chi phí đầu tư vào đất còn lại 10% giá trị diện tích đất thu hồi; hỗ trợ tiền sử dụng đất khi sử dụng đất trước ngày 15/10/1993; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ đời sống và sản xuất; hỗ trợ khác là 02 căn nhà xây dựng trước năm 1993; bồi thường cây trồng trên đất tạo dựng sau ngày có Quyết định số: 530/QĐ-UBND ngày 16/3/2008 của **UBND tỉnh Đ**.

Tại phiên đối thoại người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện xác định về 02 căn nhà của bà **T**: Căn nhà diện tích $(6 \times 6,1) \text{m}^2$ được xây dựng trước 15/10/1993; căn nhà diện tích $(14,15 \times 6,4) \text{m}^2$ được xây dựng năm 2006. Trong Quyết định số 6870 ngày 28/9/2021 của **U** đã phê duyệt phương án bồi thường đối với căn nhà năm 2006 là đúng quy định pháp luật. Nay chỉ đề nghị xem xét bồi thường đối với căn nhà xây dựng trước ngày 15/10/1993.

**** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:***

Căn cứ Quyết định số 530/QĐ-UBND, ngày 06/03/2008 của **UBND tỉnh Đ** Về việc thu hồi 27,809ha đất của **Công ty C1** tại xã **H**, thành phố **B** giao cho thành phố **B** quản lý;

Ngày 29/08/2017, **UBND thành phố B** ban hành Quyết định số 5041/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 **Khu tái định cư T, xã H, thành phố B**; Quyết định số 7105/QĐ-UBND, ngày 27/11/2018 của **UBND thành phố B** về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng **Khu tái định cư T, xã H, thành phố B**;

Ngày 01/11/2019, **UBND thành phố B** tổ chức họp thông báo chủ trương, chính sách của Nhà nước khi triển khai dự án để các hộ dân trong phạm vi thu hồi được biết và đề nghị các hộ phối hợp trong công tác đo đạc, kiểm đếm hiện trạng đất đai, tài sản gắn liền với đất thu hồi đất thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng **Khu tái định cư T, xã H, thành phố B**.

Ngày 19/3/2020, **UBND xã H** phối hợp với **UBMTTQ xã H**, BTQ thôn 1 xã **H**, chủ đầu tư và Trung tâm Phát triển Quỹ đất tổ chức đối thoại, vận động, thuyết phục các hộ dân phối hợp thực hiện công tác đo đạc, kiểm đếm hiện trạng đất đai, tài sản gắn liền với đất thu hồi. Sau khi vận động, thuyết phục thì hộ bà

Phạm Thị T không đồng ý để Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố triển khai thực hiện công tác đo đạc, kiểm đếm hiện trạng đất đai, tài sản gắn liền với đất thu hồi.

Ngày 22/9/2020, **UBND xã H** có Báo cáo số 698/UBND về kết quả họp đối thoại, vận động, thuyết phục các hộ dân phối hợp thực hiện việc đo đạc, kiểm đếm hiện trạng đất đai, tài sản gắn liền với đất thu hồi để thực hiện dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư **thôn A, xã H, thành phố B**.

Thực hiện khoản 1, Điều 12, Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của **UBND tỉnh Đ** về việc ban hành quy định cơ chế phối hợp của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư kiểm đếm bắt buộc, cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 05/3/2021, **UBND thành phố B** ban hành Quyết định số 1185/QĐ-UBND về việc cưỡng chế Quyết định kiểm đếm bắt buộc đối với hộ bà **Phạm Thị T** để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư **thôn A, xã H, thành phố B**.

Ngày 05/3/2021, **UBND thành phố B** ban hành Quyết định số 1193/QĐ-UBND về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế Quyết định kiểm đếm bắt buộc.

Ngày 09/3/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố niêm yết công khai Quyết định thực hiện cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc tại Trụ sở **UBND xã H** và **Hội trường thôn A, xã H**.

Ngày 10/3/2021, **UBND xã H** có Thông báo số 180/TB-UBND về việc giao Quyết định thực hiện cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc.

Ngày 10/3/2021, **B** thực hiện cưỡng chế số 1193 ban hành Kế hoạch số 42/KH-BTHCC thực hiện cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc về nhà, vật kiến trúc và cây cối hoa màu đối với các hộ tại khu vực đất thu hồi để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư **thôn A, xã H, thành phố B**.

Ngày 12/3/2021, **B** thực hiện cưỡng chế Quyết định kiểm đếm bắt buộc số 1175 tổ chức họp vận động, thuyết phục các hộ dân thống nhất chủ trương thu hồi đất và đồng ý việc kiểm đếm tài sản để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư **thôn A, xã H, thành phố B**. Tuy nhiên, các hộ vẫn không thống nhất chủ trương thu hồi đất và không đồng ý việc kiểm kê tài sản trên diện tích đất thu hồi thực hiện dự án.

Ngày 15/3/2021, **B** thực hiện cưỡng chế số 1193 tiến hành kiểm đếm bắt buộc tài sản trên diện tích đất thu hồi của hộ bà **Phạm Thị T** đang quản lý.

Ngày 11/6/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố công khai Phương án số 223/PA-TTPTQĐ về việc hỗ trợ tài sản trên diện tích đất thu hồi thực hiện

dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư **thôn A, xã H, thành phố B** cho hộ ông **Phạm Thị T**, đồng thời niêm yết công khai tại Trụ sở **UBND xã H** và Hội trường **thôn A, xã H** thời gian 20 ngày.

Ngày 02/7/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố kết hợp với UBND xã, **UBMTTQVN xã H** tổng hợp ý kiến phản hồi của người dân.

Thực hiện Khoản 2 Điều 17 Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của **UBND tỉnh Đ**, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố phối hợp **UBND xã H** tổ chức họp giải thích, đối thoại với các trường hợp còn có ý kiến không đồng ý và thực hiện rà soát, hoàn chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo ý kiến dựng của người có đất, tài sản gắn liền với đất thu hồi.

Ngày 28/9/2021, **UBND thành phố B** ban hành Quyết định số 6870 là đúng trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

Đối với đơn khởi kiện của bà **Phạm Thị T**:

** Về thời hiệu khởi kiện:* Căn cứ khoản 1, khoản 2, Điều 116 Luật tố tụng hành chính thì Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 6870 đã hết thời hiệu khởi kiện.

Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố ban hành Công văn số 108 không làm phát sinh thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Căn cứ khoản 2, Điều 3, Luật tố tụng hành chính năm 2015 “Quyết định hành chính bị khởi kiện là quyết định quy định tại khoản 1 điều này mà Quyết định đó làm thay đổi phát sinh, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan tổ chức cá nhân”. Do đó, Công văn số 108 không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính

** Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại:*

Tại thời điểm năm 2008 **UBND tỉnh Đ** thu hồi đất của **Công ty C1** thì thời hạn hợp đồng sử dụng đất vẫn còn giữa **Công ty C1** với hộ bà **Phạm Thị T**. Tuy nhiên, sau khi có Quyết định thu hồi đất hộ bà **Phạm Thị T** vẫn sử dụng trên diện tích đất nhận khoán đến năm 2021 thì thời hạn hợp đồng sử dụng đất đã hết hạn, do đó hộ bà **Phạm Thị T** không đủ cơ sở xem xét bồi thường về chi phí đầu tư vào đất còn lại.

** Hỗ trợ tiền sử dụng đất trước ngày 15/10/1993*

Căn cứ điểm 2, khoản 9, Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND “Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định Luật Đất đai và không được hỗ trợ theo quy định Luật đất đai và không được hỗ trợ theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật đất đai mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất”.

Tuy nhiên hộ bà **Phạm Thị T** không phải là hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo quy định tại khoản 30, Điều 3 Luật đất đai năm 2013 quy định “Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp là hộ gia đình, cá nhân đã được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp; nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó”

** Về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:*

Căn cứ khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP: “Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 19 của Nghị định này khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của **công ty N**, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm...”

Thời điểm **UBND tỉnh Đ** thu hồi đất của **Công ty C1** là năm 2008. Tuy nhiên, sau năm 2008 hộ bà **Phạm Thị T** vẫn còn canh tác và sử dụng đến năm 2021 trên diện tích đất nhận khoán nhưng không có hợp đồng, do đó hộ bà **Phạm Thị T** không thuộc đối tượng quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Cho nên không đủ điều kiện hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

** Về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất;*

Căn cứ Điều 17 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của **UBND tỉnh Đ**: “Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP khi nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ ổn định đời sống”

Căn cứ khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP: “Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều này thì phải có hợp đồng giao khoán sử dụng đất”

Tại thời điểm **UBND tỉnh Đ** thu hồi đất (năm 2008) của **Công ty C1** thì bà **Phạm Thị T** không có Hợp đồng nhận khoán. Tuy nhiên, từ thời điểm 2008 đến năm 2021 hộ bà **Phạm Thị T** vẫn còn canh tác và sử dụng đến năm 2021 trên diện tích đất nhận khoán nhưng không có hợp đồng, do đó hộ bà **Phạm Thị T** không thuộc đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-

CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. Do đó, bà **Phạm Thị T** không đủ điều kiện hỗ trợ ổn định đời sống.

** Hỗ trợ khác là 02 căn nhà xây dựng năm 1993:*

Căn cứ Quyết định số 6870/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND thành phố là **Buôn Ma T3** về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư **Thôn A, xã H**, thành phố thì 02 căn nhà đã được hỗ trợ theo Điều 1 Quyết định 27/QĐ-UBND Buôn Ma Thuột ngày 19/12/2019 của **UBND tỉnh Đ**.

** Bồi thường đối với cây trồng trên đất tạo dựng sau ngày có Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 06/3/2008 của UBND tỉnh Đ:*

Căn cứ Khoản 2, Điều 92, Luật đất đai 2013: Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì không được bồi thường.

Như vậy, việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà **Phạm Thị T** khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư **Thôn A, xã H, thành phố B** đã được **UBND thành phố B** thực hiện đúng theo các quy định hiện hành.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bác yêu cầu khởi kiện của bà **Phạm Thị T**.

**** Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B trình bày:***

Ngày 13 tháng 5 năm 2023, Trung tâm phát triển quỹ đất nhận được đơn kiến nghị của bà **Phạm Thị T** với nội dung bồi thường hỗ trợ đất, nhà, vật kiến trúc, cây trồng, chính sách hỗ trợ, chi phí đầu tư vào đất còn lại, khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng **Khu tái định cư T, xã H, thành phố B**. Ngày 31/5/2023, Trung tâm phát triển quỹ đất có Công văn số 108/CV-TTPTQĐ về việc trả lời đơn của hộ bà **Phạm Thị T**. Nội dung Công văn không làm thay đổi phát sinh, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của bà **Phạm Thị T**. Do đó, Công văn số 108/CV-TTPTQĐ không phải là Quyết định hành chính bị khởi kiện theo quy định tại khoản 2, Điều 3 Luật tố tụng hành chính. Từ những căn cứ trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bác yêu cầu của bà **T** về hủy Công văn số 108/CV-TTPTQĐ ngày 31/5/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Huệ A, ông Nguyễn Hoàng S có quan điểm trình bày như người khởi kiện.***

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của

người bị kiện đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đề nghị HĐXX bác yêu cầu khởi kiện của bà **Phạm Thị T.**

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 158/2023/HC-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1]. Căn cứ Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 158; khoản 2 Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng Điều 3; Điều 66; Điều 67; Điều 69; Điều 76; Điều 92; Điều 204 Luật Đất đai 2013;

Áp dụng Điều 7, Điều 17, Điều 19 Luật khiếu nại năm 2011;

Áp dụng Điều 19, Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Áp dụng Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Áp dụng Điều 1 Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của **UBND tỉnh Đ** về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[2]. Tuyên xử:

[2.1]. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà **T** về yêu cầu buộc **UBND thành phố B** ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ bổ sung đối với căn nhà có diện tích (14,15x6,4)m².

[2.2]. Bác đơn khởi kiện của bà **Phạm Thị T** về các yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 6870/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của **U** về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình xây dựng cơ sở hạ tầng **khu T định cư Thôn A, xã H, Tp .**, đối với hộ bà **Phạm Thị T** .

- Hủy Công văn số 108/CV-TTPTQĐ ngày 31/5/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất **Tp .** về việc trả lời đơn của bà **Phạm Thị T**, địa chỉ **thôn A, xã H, Tp .**;

- Buộc **U** ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ bổ sung phần bồi thường về chi phí đầu tư vào đất còn lại ; hỗ trợ tiền sử dụng đất trước ngày 15/10/1993; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất; hỗ trợ khác là căn nhà có diện tích (6x6,1)m² được xây dựng trước 15/10/1993; bồi thường đối với cây trồng trên đất tạo dựng sau ngày có Quyết định số 530/QĐ - UBND ngày 06/3/2008 của **UBND tỉnh Đ**.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/9/2023, người khởi kiện là bà **Phạm Thị T** kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vì đây là phiên toà phúc thẩm lần thứ hai và người khởi kiện có kháng cáo có đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án. Thẩm phán chủ toạ và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật tổ tụng hành chính trong giai đoạn xét xử phúc thẩm. Về nội dung: Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án có căn cứ và đúng pháp luật, kháng cáo của người khởi kiện không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính: bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; xem xét quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, ông **Đỗ Anh T1** là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện bà **Phạm Thị T**, có đơn xin xét xử vắng mặt; người bị kiện có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, đây là phiên toà phúc thẩm lần thứ hai, người khởi kiện có kháng cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tổ tụng hành chính.

[2]. Trong đơn kháng cáo, người khởi kiện kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1]. Về nguồn gốc đất: Hộ bà **Phạm Thị T** sử dụng thửa đất số 195, tờ bản đồ số 17, diện tích thực tế 2066,1m² có nguồn gốc nhận giao khoán để sản xuất cà phê từ **Nông trường cà phê V** (nay là **Công ty C1**) từ năm 1990, không cung cấp được hợp đồng giao khoán. Ngày 06/3/2008, **UBND tỉnh Đ** ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND về việc thu hồi 27,809ha đất của **Công ty C1** tại **xã H** giao lại cho UBND thành phố quản lý, trong đó có 10,1ha đất hiện nay UBND thành phố đang thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư **thôn A, xã H, thành phố B**.

[2.2]. Về trình tự thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định số 6870 và Công văn số 108:

Căn cứ vào các quy định tại khoản 2 Điều 66, Điều 69 Luật đất đai 2013 thì UBND thành phố B ban hành Quyết định số 6870 là đúng trình tự thủ tục và đúng thẩm quyền.

Xét đơn kiến nghị ngày 13/5/2023 của bà Phạm Thị T gửi Chủ tịch UBND thành phố B và Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B có nội dung không đồng ý với Quyết định số 6870. Do đó, đây là đơn khiếu nại quyết định hành chính của UBND thành phố B.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B không cung cấp được văn bản thể hiện nội dung ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố B cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B trả lời đơn kiến nghị của bà Phạm Thị T.

Căn cứ quy định tại Điều 204 Luật Đất đai 2013; Điều 7, Điều 17, Điều 19 Luật khiếu nại năm 2011 thì Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B trả lời đơn kiến nghị của bà Phạm Thị T là không đúng thẩm quyền. Bởi lẽ, thẩm quyền giải quyết khiếu nại, kiến nghị đối với quyết định hành chính do UBND thành phố B ban hành là của Chủ tịch UBND thành phố B.

[2.3]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T, HĐXX xét thấy:

- Về hồ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất:

Ngày 06/03/2008, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND về việc thu hồi 27,809ha đất của Công ty C1 tại xã H, thành phố B giao cho thành phố B quản lý. Từ thời điểm có quyết định thu hồi đất đến thời điểm phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thì hộ gia đình bà T vẫn đang sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp. Bà T cho rằng gia đình bà đủ điều kiện được hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất theo quy định của pháp luật. Tại biên bản làm việc ngày 15/8/2023, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày bà T không cung cấp được Hợp đồng giao khoán, tuy nhiên tại Danh sách các hộ nhận khoán của Công ty TNHH MTV C1 (Nông trường cà phê Việt Đức cũ) ngày 27/01/2021 có xác nhận hộ bà Phạm Thị Từ T4 đến thời điểm thu hồi đất là thành viên nhận khoán của Nông trường cà phê V. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ để làm rõ vấn đề bà Phạm Thị T4 và bà Phạm Thị T5 T4 có phải cùng một người hay không, tuy nhiên người khởi kiện cũng như đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay phía người khởi kiện cũng không đưa ra được căn cứ khẳng định bà Phạm Thị T4 và bà Phạm Thị Từ T4 trong danh sách nói trên là cùng một người. Ngoài ra bà T4 cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho việc tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, gia đình bà T4 chưa thu hồi hết các khoản chi phí đã đầu tư vào đất theo quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do đó, HĐXX không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của bà T4.

- Đối với yêu cầu hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 19; khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; căn cứ khoản 5,6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai, có quy định như sau:

“b) Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều này thì phải có hợp đồng giao khoán sử dụng đất.”

...

*“1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 19 của Nghị định này khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền; **hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 19 của Nghị định này** (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty N, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm...”*

Như đã nhận định ở trên bà T4 không có **hợp đồng giao khoán nên không đủ điều kiện để được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất.**

- Về hỗ trợ khác là căn nhà có diện tích $(6 \times 6,1)m^2$ và căn nhà có diện tích $(14,15 \times 6,4)m^2$:

Tại biên bản đối thoại ngày 15/8/2023 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đã xác định: Căn nhà diện tích $(6 \times 6,1)m^2$ được xây dựng trước 15/10/1993; căn nhà diện tích $(14,15 \times 6,4)m^2$ được xây dựng năm 2006. Trong Quyết định số 6870 ngày 28/9/2021 của UBND thành phố B đã phê duyệt phương án bồi thường đối với căn nhà năm 2006 là đúng quy định pháp luật. Nay chỉ đề nghị xem xét bồi thường đối với căn nhà xây dựng trước ngày 15/10/1993 theo đúng quy định pháp luật, HĐXX cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T4 về yêu cầu bồi thường căn nhà có diện tích $(14,15 \times 6,4)m^2$.

Đối với căn nhà có diện tích $(6 \times 6,1)m^2$, HĐXX thấy rằng: Phía người khởi kiện không cung cấp được chứng cứ chứng minh căn nhà này được xây dựng trước 15/10/1993 nên không có căn cứ để chấp nhận.

- Về yêu cầu bồi thường đối với cây trồng trên đất tạo dựng sau ngày có Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 06/3/2008 của UBND tỉnh D:

Xét yêu cầu đề nghị Tòa án buộc UBND thành phố B phải bồi thường toàn bộ cây trồng trên diện tích đất bị thu hồi được tạo lập sau khi có quyết định thu hồi đất số 530/QĐ-UBND ngày 06/03/2008 UBND tỉnh Đ về việc thu hồi đất HĐXX thấy rằng:

Theo quy định tại Điều 67 Luật đất đai 2013 thì cơ quan có thẩm quyền chỉ phải thông báo thu hồi đất cho người có đất bị thu hồi. Trong trường hợp này bà T4 không phải là chủ sử dụng đất mà chủ sử dụng đất là Công ty C1. Nên việc thông báo thu hồi đất là thông báo cho Công ty C1 chứ không phải thông báo đến cá nhân bà T4.

Theo quy định tại Điều 92 Luật đất đai thì tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì khi Nhà nước thu hồi đất sẽ không được bồi thường. Như vậy Quyết định số 6870/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND thành phố B không xem xét bồi thường đối với những tài sản gắn liền với đất được tạo lập sau khi có Quyết định số 530/QĐ-UBND, ngày 06/3/2008 của UBND tỉnh Đ là đúng quy định pháp luật.

- Về yêu cầu hỗ trợ tiền sử dụng đất trước ngày 15/10/1993:

Căn cứ điểm 2, khoản 9, Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk:

“2. Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định Luật Đất đai và không được hỗ trợ theo Điểm a, b Khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai mà không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 3 Điều này thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất, ...”

Căn cứ khoản 30 Điều 3 Luật đất đai năm 2013 *“Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp là hộ gia đình, cá nhân đã được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp; nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó”*.

Như vậy hộ bà Phạm Thị T4 không có hợp đồng giao khoán, không thuộc trường hợp là hộ gia đình cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp như quy định tại khoản 30 Điều 3 Luật đất đai nên không được hỗ trợ về đất.

[3]. Xét thấy Quyết định số 6870 và Công văn số 108 có nội dung không chấp nhận phần bồi thường về chi phí đầu tư vào đất còn lại; hỗ trợ tiền sử dụng đất trước ngày 15/10/1993; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất; hỗ trợ khác là căn nhà có diện tích (6x6,1)m² được xây dựng trước 15/10/1993; bồi thường đối với cây trồng trên đất tạo dựng sau ngày có Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 06/8/2008 của UBND tỉnh Đ,

là có căn cứ. Về Công văn số 108 ban hành không đúng thẩm quyền nhưng nội dung phù hợp quy định pháp luật nên việc hủy Công văn số 108 là không cần thiết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng phúc thẩm thấy rằng Toà án cấp sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ và đúng pháp luật; kháng cáo của người khởi kiện không có cơ sở nên không được chấp nhận, Toà án cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm hành chính: Tuy yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nhưng người khởi kiện bà **Phạm Thị T4** là người cao tuổi nên được miễn miễn án phí phúc thẩm hành chính theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính: Bác kháng cáo của người khởi kiện bà **Phạm Thị T4**, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 158; khoản 2 Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng Điều 3; Điều 66; Điều 67; Điều 69; Điều 76; Điều 92; Điều 204 Luật đất đai 2013;

Áp dụng Điều 7, Điều 17, Điều 19 Luật khiếu nại năm 2011;

Áp dụng Điều 19, Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Áp dụng Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Áp dụng Điều 1 Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của **UBND tỉnh Đ** về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

2.1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà **T4** về yêu cầu buộc **U** ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ bổ sung đối với căn nhà có diện tích (14,15x6,4)m².

2.2. Bác đơn khởi kiện của bà **Phạm Thị T4** về các yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 6870/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của **UBND thành phố B** về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình xây dựng cơ sở hạ tầng **khú T định cư Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** đối với hộ bà **Phạm Thị T4**.

- Hủy Công văn số 108/CV-TTPTQĐ ngày 31/5/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất **thành phố B** về việc trả lời đơn của bà **Phạm Thị T4**, địa chỉ **thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**;

- Buộc **UBND thành phố B**, tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ bổ sung phần bồi thường về chi phí đầu tư vào đất còn lại; hỗ trợ tiền sử dụng đất trước ngày 15/10/1993; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất; hỗ trợ khác là căn nhà có diện tích (6x6,1)m² được xây dựng trước 15/10/1993; bồi thường đối với cây trồng trên đất tạo dựng sau ngày có Quyết định số 530/QĐ - UBND ngày 06/3/2008 của **UBND tỉnh Đ**.

3. Về án phí phúc thẩm hành chính: Bà **Phạm Thị T4** được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Cường